

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **636/2026/DS-PT**

Ngày: 22/8/2026

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Thắng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Huyền

Ông Đinh Như Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Phương Dung

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 407/2026/DSPT ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 428/2026/DS-ST, ngày 29/04/2026 của TAND khu vực 4 - Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 460/2026/QĐXXPT-DS ngày 06/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 514/2026/QĐ-HPT ngày 21/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 523/2026/QĐ-HPT ngày 27/7/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X2 (Gọi tắt Ngân hàng E). Địa chỉ trụ sở tại thời điểm khởi kiện: Tầng H Văn phòng số L + 16 Tòa nhà V, số G L, phường B, quận A, Hồ Chí Minh. Địa chỉ hiện nay: Số B - B L, phường H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Huyền T - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP X2;

Ủy quyền lại cho: Bà Vũ Thị T1; ông Luyện Duy H; ông Trần Văn H1. (Giấy uỷ quyền số 111/2026/EIBA/UQ-CT ngày 20/7/2026. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huy T2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A ngách B M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Nay là số A ngách B M, phường T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Mai T3 - Công ty L1 và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đào Thị H2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A ngách B M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, nay là Số A ngách B M, phường T, thành phố Hà Nội. Bà H2 có mặt.

3.2. Bà Đình Thị X, sinh năm 1949;

3.3. Anh Nguyễn Huy Việt A, sinh ngày 08/8/2004;

3.4. Anh Nguyễn Huy Bảo T4, sinh ngày 17/11/2008.

Cùng Địa chỉ: Số A ngách B M, tổ dân phố số D M, phường T, thành phố Hà Nội. Nay là Số A ngách B M, phường T, thành phố Hà Nội. Bà X, anh Việt A, anh Bảo T4 vắng mặt.

3.5. Ông Đào Đức L, sinh năm 1976; Nơi ĐKNKTT: tổ A C, quận L, TP Hà Nội nay là phường L, TP Hà Nội. Nay là trú tại: S2.02 V, xã G, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/2/2025, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP X2 do đại diện theo ủy quyền trình bày:** Ngày 25/01/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần X2 – Chi nhánh L2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng E) ký Hợp đồng tín dụng số 1730-LAV-201700025 cho ông Nguyễn Huy T2 vay số tiền 2.900.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Nâng cấp, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, E đã giải ngân và ông Nguyễn Huy T2 đã nhận nợ theo khế ước nhận nợ số 1730-LDS-201700035 ngày 25/01/2017, cụ thể: Số tiền giải ngân: 2.900.000.000 đồng; Thời hạn vay: 180 tháng, kể từ ngày 25/01/2017 đến ngày 25/01/2032; Lịch trả nợ gốc: Trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 tháng. Số tiền trả mỗi kỳ là 16.111.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là 28/02/2017, kỳ trả nợ cuối cùng là 25/01/2032, vào kỳ trả nợ cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay; Lịch trả lãi: ngày 30 hàng tháng; Lãi suất cho vay: 9%/năm cố định trong 01 năm đầu, từ năm thứ 02 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng (lãi cuối kỳ) + 3,5%/năm, chu kỳ thay đổi lãi suất 1 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Nguyễn Huy T2, bà Đào Thị H2 đã thế chấp cho E: Toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng riêng cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (thửa đất số 327, tờ bản đồ số 21) tại địa chỉ thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412920; số QĐ: 2905/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00126 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2010 đứng tên ông Nguyễn Huy T2. (Hợp đồng thế chấp số 632.17 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/01/2017, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/02/2017 tại Văn phòng Đ, chi nhánh quận N.)

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Huy T2 đã trả cho Ngân hàng số tiền 1.302.272.828 đồng (gốc: 561.572.800 đồng, lãi: 740.700.028 đồng). Ông Nguyễn Huy T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, E đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn

Huy T2; bà Đào Thị H2 thanh toán nợ nhưng các ông T2, bà H2 không thanh toán được nợ cho E.

Tính đến ngày 29/04/2026, ông Nguyễn Huy T2 còn nợ E: 5.037.200.443 đồng, trong đó: (Nợ gốc: 2.338.427.200 đồng; Lãi trong hạn: 1.436.683.586 đồng; Lãi quá hạn: 728.249.949 đồng, lãi chậm trả: 533.839.708 đồng).

Nay, E đề nghị tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Huy T2 phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền nêu trên trên cùng các khoản lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo Tòa xét xử cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp ông Nguyễn Huy T2 không trả nợ hoặc trả không đủ thì E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng riêng cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (thửa đất số 327, tờ bản đồ số 21) tại địa chỉ thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412920; số QĐ: 2905/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00126 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2010 đứng tên ông Nguyễn Huy T2 và theo hợp đồng thế chấp số 632.17 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/01/2017 để thu hồi nợ cho E. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì ông Nguyễn Huy T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với E tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi hết số nợ còn lại. Đề nghị, Tòa án giải quyết buộc Bị đơn phải chịu nghĩa vụ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ kỹ thuật nhà đất thế chấp số tiền Ngân hàng đã chi là 5.000.000 đồng.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:** Ông Đào Đức L là anh trai của bà Đào Thị H2 và là anh vợ của ông Nguyễn Huy T2. Khoảng tháng 9, tháng 10 năm 2016, ông L có đến đặt vấn đề với vợ chồng ông T2, bà H2 để vay số tiền là 300 triệu đồng. Ông T2, bà H2 nói chỉ làm công quả ở chùa M nên không có tiền để cho vay. Ông L bảo với vợ chồng ông T2, bà H2 cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất tại địa chỉ số A ngách B M, phường T, TP Hà Nội. Do tin tưởng và ông L năn nỉ nên ông T2, bà H2 đồng ý cho ông L mượn sổ. Mọi thủ tục tại Ngân hàng TMCP E địa chỉ 24 Bà T5 đều do ông L tự liên hệ làm.

Ngày 25/01/2017, vợ chồng ông T2, bà H2 được ông L đưa đến Ngân hàng E ở B Bà T5 để ký hồ sơ vay tiền. Ông T2 có ký vào Hợp đồng tín dụng số 1730-LAV-201700025 cùng khế ước nhận nợ. Ông T2 và bà H2 có ký vào Hợp đồng thế chấp ngày 23/01/2017. Tuy nhiên, nội dung hợp đồng, vợ chồng ông T2, bà H2 không được cán bộ ngân hàng cho đọc và cũng không biết nội dung là gì. Vì cán bộ tín dụng lật từng trang cho vợ chồng ông T2, bà H2 ký. Vợ chồng ông T2, bà H2 cũng không được nhận hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp gì. Số tiền vay cũng không biết là bao nhiêu. Tiền vay chuyển cho ai, vợ chồng ông T2, bà H2 không biết.

Cách đây 3 năm, có cán bộ ngân hàng gọi thông báo nợ hơn 2,3 tỷ thì vợ chồng ông T2, bà H2 mới biết việc ông L vay tiền không trả nợ được cho ngân hàng. Mọi việc trả nợ cho ngân hàng hàng tháng đều do ông L trả.

Trên tài sản thế chấp cho ngân hàng có những người sau đây sinh sống: Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1949, vợ chồng ông T2, bà H2, hai con của ông T2, bà H2 là anh Nguyễn Huy Việt A, sinh ngày 08/8/2004, anh Nguyễn Huy Bảo T4, sinh ngày 17/11/2008.

Ngân hàng khởi kiện đòi tiền, quan điểm của vợ chồng ông T2, bà H2 là chúng tôi không được sử dụng tiền, vợ chồng ông T2, bà H2 chỉ có một chỗ ở duy nhất, gia đình khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông T2, bà H2 được thỏa thuận thanh toán như sau: Trả nợ tiền nợ gốc 2.338.427.200 đồng; Trả khoản tiền lãi tương đương 400.000.000 đồng.

Cũng, đề nghị Ngân hàng cũng làm rõ việc vì sao vợ chồng ông T2, bà H2 vay tiền mà lại chuyển tiền cho người khác là ông Đào Đức L. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ai là người đã trả gốc và lãi hàng tháng, đề nghị Ngân hàng cung cấp. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý đề xuất của ông T2, bà H2 thì yêu cầu Ngân hàng buộc ông Đào Đức L phải trả các khoản tiền Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu. Ông Nguyễn Huy T2 và bà Đào Thị H2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đối với tiền chi phí tố tụng như Ngân hàng yêu cầu thanh toán 5.000.000 đồng thì Ngân hàng khởi kiện nên phải chịu.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đào Thị H2 cùng đại diện theo uỷ quyền có mặt tại phiên toà, trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Bị đơn ông T2 và đại diện theo uỷ quyền của ông T2, không bổ sung gì thêm. Đề nghị toà án xem xét giải quyết để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Bà.

Ông Đào Đức L vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời khai trong hồ sơ, trình bày:

Ngày 25/01/2017, ông Đào Đức L dẫn vợ chồng ông Nguyễn Huy T2 và bà Đào Thị H2 đến ngân hàng E để ký hợp đồng tín dụng số 1730-LAV-201700025 cùng khế ước nhận nợ cho ông T2 vay số tiền 2.900.000.000đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: nâng cấp, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình. Cụ thể: Số tiền giải ngân: 2.900.000.000đồng; Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày 25/01/2017 đến 25/01/2032; Lịch trả nợ gốc: thực hiện nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 1 tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 16.111.000đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 28/02/2017, kỳ trả nợ cuối cùng là 25/01/2032 vào kỳ trả nợ cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay. Lịch trả lãi: vào ngày 30 hàng tháng. Lãi suất cho vay: 9%/năm cố định trong 1 năm đầu, từ năm thứ 2 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng (lãi cuối kỳ) + 3,5%/năm, chu kỳ thay đổi lãi suất 01 tháng/lần; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Khế ước nhận nợ ông T2 đồng ý chuyển tiền cho ông L. Ông L được nhận tiền trực tiếp nhưng chỉ nhận được tiền mặt là hơn 2.400.000.000đồng chứ không phải khoản tiền 2.900.000.000đồng. Để đảm bảo cho

khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Huy T2 cùng bà Đào Thị H2 ký hợp đồng thế chấp: Toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng riêng cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (thửa đất số 327, tờ bản đồ số 21) tại địa chỉ thôn G, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412920, số QĐ: 2905/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00126 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/4/2010 đứng tên ông Nguyễn Huy T2. (Hợp đồng thế chấp số 632.17 quyền số TP/CC-HĐGD ngày 23/01/2017).

Ngân hàng khởi kiện đòi tiền ông T2, bà H2 thì ông đồng ý cùng ông T2, bà H2 trả tiền cho Ngân hàng, đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm toàn bộ tiền lãi và đề nghị Ngân hàng làm rõ số tiền ông được nhận chỉ là 2.400.000.000 đồng không phải là 2.900.000.000 đồng.

Bà Đình Thị X có ý kiến trong hồ sơ như sau: Bà Xuân sống cùng với vợ chồng ông T2, bà H2 tại số A ngách B, tổ dân phố số D M, phường T, thành phố Hà Nội, nay là Số A ngách B M, phường T, thành phố Hà Nội. Bà X không biết gì việc ông T2, bà H2 vay tiền ngân hàng, thế chấp tài sản là thửa đất tại địa chỉ gia đình sinh sống.

Anh Nguyễn Huy Việt A, anh Nguyễn Huy Bảo T4 không có lời khai trong hồ sơ.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 428/2026/DS-ST ngày 29/04/2026 của TAND khu vực 4 - Hà Nội xử và quyết định:** Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 299, Điều 323, Điều 280; Điều 335; Điều 357; Điều 513; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2029 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X2 (Ngân hàng E) đối với ông Nguyễn Huy T2, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản.

2. Buộc ông Nguyễn Huy T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X2 (Ngân hàng E) khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1730-LAV-201700025 ngày 25/01/20217; Khế ước nhận nợ số 1730-LDS-201700035 ngày 25/01/2017, gồm: Nợ tiền gốc: 2.338.427.200 đồng; Lãi trong hạn: 1.436.683.586 đồng; Lãi quá hạn: 728.249.949 đồng. Tổng là 4.503.360.735 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử vụ án 29/04/2026, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong theo Hợp đồng tín dụng số 1730-LAV-201700025 ngày 25/01/20217; Khế ước nhận nợ số 1730-LDS-201700035 ngày 25/01/2017 nêu trên cho đến khi thanh toán xong hết nợ cho Ngân hàng X2 (Ngân hàng E).

3. Bác yêu cầu của Ngân hàng X2 (Ngân hàng E), buộc ông Nguyễn Huy T2 phải chịu khoản tiền lãi trên tiền lãi chậm trả lãi 533.839.708 đồng.

4. Buộc ông Nguyễn Huy T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X2 (Ngân hàng E) số tiền 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo vẽ kỹ thuật nhà đất tài sản thế chấp.

5. Kể từ ngày Q định/Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Huy T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng X2 (Ngân hàng E) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng X2 (Ngân hàng E). Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng riêng cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (thửa đất số 327, tờ bản đồ số 21) tại địa chỉ thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412920, số QĐ: 2905/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00126 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/4/2010 đứng tên ông Nguyễn Huy T2. Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng E, thì ông Nguyễn Huy T2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X2 (Ngân hàng E) cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay. Khi thực hiện xử lý tài sản thế chấp thì bà Đào Thị H2, bà Đình Thị X và anh Nguyễn Huy Việt A, anh Nguyễn Huy Bảo T4 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Huy T2, bà Đào Thị H2 đối với ông Đào Đức L trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu tranh chấp về việc sử dụng khoản tiền vay 2.900.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/5/2026, Ngân hàng TMCP X2 (Gọi tắt Ngân hàng E) kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 428/2026/DS-ST ngày 29/04/2026 của TAND khu vực 4 - Hà Nội và đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 428/2026/DS-ST, ngày 29/04/2026 của TAND khu vực 4 - Hà Nội theo hướng chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP X2.

Ngày 05/5/2026, ông Nguyễn Huy T2, bà Đào Thị H2, bà Nguyễn Thị X1, anh Nguyễn Huy Việt A và anh Nguyễn Huy Bảo T4 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 428/2026/DS-ST, ngày 29/04/2026 của TAND khu vực 4 - Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày: Ngày 14/8/2026, chúng tôi đã thống nhất thỏa thuận với nội dung: Ông Nguyễn Huy T2, bà Đào Thị

H2 nộp số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) trong vòng 7 ngày kể từ khi hòa giải thành và tự nguyện nộp 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí thẩm định tại chỗ/tổ tụng (theo Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 30/10/2025 mà E đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm). E giải chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 324 & 327, tờ bản đồ số 21, tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412920; số QĐ: 2905/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00126 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2010 đứng tên ông Nguyễn Huy T2. E miễn giảm số tiền lãi, phí còn lại của khoản nợ cho đến khi thực tất toán.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:***

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn quy định nên chấp nhận. Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị X1 có đơn xin rút kháng cáo nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bà X1, anh Nguyễn Huy Việt A và anh Nguyễn Huy Bảo T4.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong thời hạn quy định nên chấp nhận đưa ra xét phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị X1 có đơn xin rút kháng cáo và việc rút kháng cáo là tự nguyện nên đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bà X1. Đối với anh Nguyễn Huy Việt A và anh Nguyễn Huy Bảo T4 vắng mặt hai lần không có lý do nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Nguyễn Huy Việt A và anh Nguyễn Huy Bảo T4.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Huy T2 phải chịu án phí sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Đình Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi. Ngân hàng TMCP X2, bà Đào Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Nguyễn Huy Việt A và anh Nguyễn Huy Bảo T4 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. **Xử:**

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị X1, anh Nguyễn Huy Việt A và anh Nguyễn Huy Bảo T4.

2. Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP X2 (Gọi tắt Ngân hàng E), ông Nguyễn Huy T2, bà Đào Thị H2. Sửa bản án sơ thẩm số 428/2026/DS-ST ngày 29/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể:

Ông Nguyễn Huy T2 và bà Đào Thị H2 nộp số tiền là 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*) cho Ngân hàng TMCP X2 (Gọi tắt Ngân hàng E) để tất toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1730-LAV-201700025 ngày 25/01/2017 và Khế ước nhận nợ số 1730-LDS-201700035 ngày 25/01/2017 và Ngân hàng TMCP X2 (Gọi tắt Ngân hàng E) giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 324 & 327, tờ bản đồ số 21, tại địa chỉ: thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 412920; số QĐ: 2905/QĐ-UBND, số vào sổ cấp GCN: CH00126 do UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2010 đứng tên ông Nguyễn Huy T2. Ngân hàng TMCP X2 (Gọi tắt Ngân hàng E) miễn giảm số tiền lãi, phí còn lại của khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Huy T2 phải chịu 46.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011685 ngày 15/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn Huy T2 còn phải nộp 45.700.000đ (*Bốn mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đình Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì là người cao tuổi. Ngân hàng TMCP X2, bà Đào Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đình Thị X, bà Đào Thị H2 theo biên lai thu số 0011688 ngày 15/5/2026, 0011684 ngày 15/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ngân hàng X2 (Ngân hàng E) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP X2 số tiền 56.213.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0012511 ngày 20/10/2025 và Biên lai thu số 0011003 ngày 08/5/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Huy Việt A và anh Nguyễn Huy Bảo T4 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm*

ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011683 ngày 15/5/2026 và 0011682 ngày 15/5/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND khu vực 4 - HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

